| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ ĐẠI ĐỒNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 28/TB-UBND | *Đại Đồng, ngày 14 tháng 04 năm 2026* |

# THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Việt Hưng (nay là xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên)**

Căn cứ Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 19/7/2024 của UBND huyện Văn Lâm kế hoạch thu hồi đất điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Việt Hưng.

Căn cứ các Thông báo thu hồi đất từ số 15/TB-CTUBND và số 50/TB-CTUBND ngày 10/4/2026 của Chủ tịch UBND xã Đại Đồng Thông báo thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Việt Hưng (nay là xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên).

UBND xã Đại Đồng tiến hành niêm yết, công khai thông báo thu hồi đất của các hộ gia đình cá nhân để thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Việt Hưng (nay là xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên) từ ngày 14/4/2026 địa điểm tại:

1. Trụ sở UBND xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;
2. Nhà văn hóa thôn Sầm Khúc, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;
3. Nhà văn hóa thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên;
4. Nhà văn hóa thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên.

*(Có danh sách kèm theo)*

UBND xã đề nghị phòng văn hóa - xã hội xã đăng tải trên cổng thông tin điện tử xã Đại Đồng, trung tâm dịch vụ tổng hợp, cơ sở các thôn Sầm Khúc, Mễ Đậu, Cự Đình thông báo trên loa đài truyền thanh và các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được biết./.

***Nơi nhận:***
- Phòng văn hóa - xã hội;
- Trung tâm dịch vụ tổng hợp;
- Cơ sở các thôn Sầm Khúc, Mễ Đậu, Cự Đình;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

U.B.N.D XÃ ĐẠI ĐỒNG TỈNH HƯNG YÊN

**Tôn Ngọc Chuẩn**

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# ANH SÁCH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT CỦA CÁC HỘ CÓ ĐẤT THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU DÂN CƯ ĐỂ ĐẤU GIÁ CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở TẠI XÃ VIỆT HƯNG (NAY LÀ XÃ ĐẠI ĐỒNG, TỈNH HƯNG YÊN)

(Kèm theo Thông báo số 28/TB-UBND ngày 14/4/2026 của UBND xã Đại Đồng)

| T | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng (m²) | Diện tích thu hồi (m²) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| | **Đất của hộ gia đình, cá nhân** | | | | | | | | | | | | | | | |
| | Nguyễn Văn Hiển | | | | 15/TB-CTUBND | | 4 | | | | | 1440 | | 1384 | | |
| | | Nguyễn Văn Hiển | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033067005015 | | 43 | 83 | 43 | 83 | | 1056 | | LUC | |
| | | Đặng Thị Mùa | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033169003512 | | 43 | 131 | 43 | 131 | | 328 | | | |
| | | Nguyễn Thị Phiến | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033192010503 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Thị Kim | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| 2 | Trịnh Việt Khường | | | | 16/TB-CTUBND | | 2 | | | | | 1020 | | 28 | | |
| | | Trịnh Việt Khường | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033074003515 | | 43 | 84 | 43 | 84 | | 28 | | LUC | |
| | | Nguyễn Thị Hương | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033176003105 | | | | | | | | | | |
| 3 | Đặng Thị Bảo | | | | 17/TB-CTUBND | | 2 | | | | | 959 | | 28 | | |
| | | Đặng Thị Bảo | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033167007240 | | 43 | 85 | 43 | 85 | | 28 | | LUC | |
| | | Đặng Thị Thúy | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | Đặng Duy Kiên | | | | 18/TB-CTUBND | | 3 | | | | | 1935 | | 42 | | |
| | | Đặng Duy Kiên | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033066003107 | | 43 | 86 | 43 | 86 | | 42 | | LUC | |

| TT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng ($m^2$) | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| | | Đặng Thị Hương | Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033170011555 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Duy Thịnh | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033092000376 | | | | | | | | | | |
| 5 | Đặng Duy Cường | | | | 19/TB-CTUBND | | 2 | | | | | 1344 | | 28 | | |
| | | Đặng Duy Cường | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 43 | 87 | 43 | 87 | | 28 | | LUC | |
| | | Nguyễn Thị Lan | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033189006724 | | | | | | | | | | |
| 6 | Đỗ Mai Lân | | | | 20/TB-CTUBND | | 4 | | | | | 2400 | | 56 | | |
| | | Đỗ Mai Lân | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | | | | | 43 | 88 | 43 | 88 | | 56 | | | Đã chết |
| | | Đặng Thị Nhị | Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033136001091 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Thị Lý | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033160004399 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Thị Dung | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033175003829 | | | | | | | | | | |
| 7 | Đỗ Văn Lợi | | | | 21/TB-CTUBND | | 1 | | | | | 570 | | 14 | | |
| | | Đỗ Văn Lợi | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033069010554 | | 43 | 89 | 43 | 89 | | 14 | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | Đặng Văn Phong | | | | 22/TB-CTUBND | | 2 | | | | | 840 | | 28 | | |
| | | Đặng Văn Phong | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033038001015 | | 43 | 90 | 43 | 90 | | 28 | | | |
| | | Nguyễn Thị Nhật | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033138000440 | | | | | | | | | | Chết |

| TT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng ($m^2$) | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| ) | Đỗ Anh Toàn | | | | 23/TB-CTUBND | | 4 | | | | | 2392 | | 56 | | |
| | | Đỗ Anh Toàn | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033063001458 | | 43 | 91 | 43 | 91 | | 56 | | | |
| | | Đặng Thị Luận | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033163007000 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Văn Hải | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033086014580 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Văn Tuân | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033088001980 | | | | | | | | | | |
| 0 | Đỗ Văn Thắng | | | | 24/TB-CTUBND | | 4 | | | | | 2280 | | 56 | | |
| | | Đỗ Văn Thắng | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 43 | 130 | 43 | 130 | | 56 | | | Đã chết |
| | | Đặng Thị Hiền | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033171012341 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Văn Quyết | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033090000209 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Thị Diệu | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033192010096 | | | | | | | | | | |
| 1 | Đặng Duy Nhiên | | | | 25/TB-CTUBND | | 5 | | | | | 1915 | | 42 | | |
| | | Đặng Duy Nhiên | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 43 | 129 | 43 | 129 | | 42 | | | Đã chết |
| | | Nguyễn Thị Huệ | xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033165005985 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Duy Hưng | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033087003340 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Duy Hùng | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033089002594 | | | | | | | | | | |

| TT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng ($m^2$) | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| | | Đặng Duy Thảu | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| 2 | Nguyễn Văn Huề | | | | 26/TB-CTUBND | | 3 | | | | | 2176 | | 42 | | |
| | | Nguyễn Văn Huề | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033059009006 | | 43 | 123+124+125+126+127+128 | 43 | 128 | | 42 | | | |
| | | Nguyễn Thị Hồng | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033163013893 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Thị Hà | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Thư Thi, xã Tân Lập, tỉnh Hưng Yên | | 033191002946 | | | | | | | | | | |
| 13 | Nguyễn Văn Chu | | | | 27/TB-CTUBND | | 4 | | | | | 2174 | | 70 | | |
| | | Nguyễn Văn Chu | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033042001484 | | 43 | 123+124+125+126+127+128 | 43 | 127 | | 70 | | | |
| | | Nguyễn Thị Thế | xã Minh Hải, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033154000480 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Văn Tuấn | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033080002058 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Thị Hải | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033187007561 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Thị Thúy | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| 14 | Nguyễn Thị Huệ | | | | 28/TB-CTUBND | | 1 | | | | | 510 | | 14 | | |
| | | Nguyễn Thị Huệ | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033179007312 | | 43 | 123+124+125+126+127+128 | 43 | 126 | | 14 | | | |
| 15 | Nguyễn Văn Lượng | | | | 29/TB-CTUBND | | 5 | | | | | 908 | | 84 | | |
| | | Nguyễn Văn Lượng | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 43 | 123+124+125+126+127+128 | 43 | 125 | | 84 | | | Đã chết |
| | | Nguyễn Thị Tư | Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033161003041 | | | | | | | | | | |

| TT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | ĐT đang sử dụng (m²) | Diện tích thu hồi (m²) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| | | Nguyễn Văn Sức | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033187006527 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Thị Thư | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Ngọc Loan, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên | | 033181004234 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Thị Huyền | xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033188005258 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Văn Lực | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | |
| 16 | Đặng Văn Bộ | | | | 30/TB-CTUBND | | 7 | | | | | 2850 | | 84 | | |
| | | Đặng Văn Bộ | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033063004007 | | 43 | 123+124+125+126+127+128 | 43 | 124 | | 84 | | | |
| | | Hoàng Thị Ngoan | Ngọc Liên, Cẩm Giàng, Hải Dương | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 030162006405 | | | | | | | | | | |
| | | Hoàng Thị Thược | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Thị Nghiêm | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng | thôn Đồng Chung, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033187005468 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Thị Phương | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033189003562 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Thị Phượng | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033191010784 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Văn Tình | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033093013213 | | | | | | | | | | |
| 17 | Đặng Văn Hợp | | | | 31/TB-CTUBND | | 4 | | | | | 2040 | | 56 | | |
| | | Đặng Văn Sửu | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 43 | 123+124+125+126+127+128 | 43 | 123 | | 56 | | | |
| | | Đặng Văn Hợp | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033066006139 | | | | | | | | | | |

| TT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng (m²) | Diện tích thu hồi (m²) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| | | Phạm Thị Quý | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 030167003505 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Minh Tân | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033090002474 | | | | | | | | | | |
| 18 | Đặng Văn Khoa | | | | 32/TB-CTUBND | | 1 | | | | | | | 14 | | |
| | | Đặng Văn Khoa | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 43 | 123+124+125+126+127+128 | | | | 14 | | | |
| 19 | Đặng Thị Mai | | | | 33/TB-CTUBND | | 3 | | | | | 1326 | | 42 | | |
| | | Đặng Thị Mai | xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 43 | 122 | 43 | 122 | | 42 | | | Đã chết |
| | | Đặng Văn Khoa | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033087007453 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Thị Hướng | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Phả Lê, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033181000327 | | | | | | | | | | |
| 20 | Trịnh Thị Ngân | | | | 34/TB-CTUBND | | 3 | | | | | 1620 | | 42 | | |
| | | Trịnh Thị Ngân | thôn Mậu Lương, xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 43 | 121 | 43 | 121 | | 42 | | | |
| | | Nguyễn Thị Lời | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Văn Đường | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | |
| 21 | Đặng Văn Hồng (Huế) | | | | 35/TB-CTUBND | | 3 | | | | | 2016 | | 42 | | |
| | | Đặng Văn Hồng (Huế) | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033071012734 | | 43 | 120 | 43 | 120 | | 42 | | | |
| | | Nguyễn Thị Mai | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | |

| TT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng ($m^2$) | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| | | Đặng Văn Huỳnh | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 33092003108 | | | | | | | | | | |
| 22 | Đỗ Văn Quý | | | | 36/TB-CTUBND | | 2 | | | | | 977 | | 527 | | |
| | | Đỗ Văn Quý | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033081006997 | | 39 | 415 | 39 | 415 | | 527 | | | |
| | | Đỗ Thị Yến | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033181006826 | | | | | | | | | | |
| 23 | Đặng Thị Quyết | | | | 37/TB-CTUBND | | 4 | | | | | 602 | | 602 | | |
| | | Đặng Thị Quyết | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033143001499 | | 39 | 416 | 39 | 416 | | 602 | | | |
| | | Đỗ Văn Sùng | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| | | Đỗ Trung Hiệu | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033087002745 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Thị Chiên | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | 33C, Tổ 26, Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | | 033182015178 | | | | | | | | | | |
| 24 | Phùng Văn Thanh (Nhẫn) | | | | 38/TB-CTUBND | | 5 | | | | | 1718 | | 1718 | | |
| | | Phùng Văn Thanh (Nhẫn) | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033060007403 | | 39 | 417 | 39 | 417 | | 1156 | | | |
| | | Trần Thị Nhẫn | thôn Thục Cầu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033163011011 | | 39 | 383 | 39 | 383 | | 562 | | | |
| | | Đặng Thị Gái | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| | | Phùng Văn Minh | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Thị Chanh | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |

| TT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng (m²) | Diện tích thu hồi (m²) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| 25 | Đinh Thị Lam | | | | 39/TB-CTUBND | | 4 | | | | | 2074 | | 574 | | |
| | | Đinh Thị Lam | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 03317002187 | | 39 | 418 | 39 | 418 | | 574 | | | |
| | | Đỗ Văn Kết | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| | | Đặng Thị Tổng | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| | | Đỗ Văn Vinh | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| 26 | Đặng Văn Tuyển | | | | 40/TB-CTUBND | | 6 | | | | | 2782 | | 2782 | | |
| | | Đặng Văn Tuyển | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033069002228 | | 39 | 423 | 39 | 423 | | 2782 | | | |
| | | Đặng Văn Tuy | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| | | Đặng Thị Bộc | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| | | Đặng Thị Tiền | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033160007534 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Thị Hảo | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | Tổ 4, Long Biên, TP. Hà Nội | | 033174011985 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Thị Chín | thôn Nghi Lương, xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | |
| 27 | Bùi Thị Nhờn | | | | 41/TB-CTUBND | | 1 | | | | | 440 | | 440 | | |
| | | Bùi Thị Nhờn | Phan Đình Phùng, TX Mỹ Hào, Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 39 | 372 | 39 | 372 | | 440 | | | Đã chết |
| 28 | Nguyễn Sỹ Cố | | | | 42/TB-CTUBND | | 6 | | | | | 3470 | | 640 | | |
| | | Nguyễn Sỹ Kố | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 39 | 384 | 39 | 384 | | 640 | | | |

| STT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng ($m^2$) | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| | | Đỗ Thị Lưng | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| | | Hà Thị Thanh | Hải Dương | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 030154002977 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Thị Hà | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033178002708 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Thị Nga | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | Bắc Ninh | | 030183021803 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Văn Tĩnh | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033077012364 | | | | | | | | | | |
| 29 | Đỗ Thị Mến | | | | 43/TB-CTUBND | | 6 | | | | | 2711 | | 704 | | |
| | | Đỗ Thị Mến | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033162000694 | | 39 | 396 | 39 | 396 | | 704 | | | |
| | | Đặng Văn Hiếu | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Văn Thảo | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033085002087 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Văn Thành | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033087007167 | | | | | | | | | | |
| | | Lưu Thị Gái | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| | | Đặng Thị Thương | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Cự Đình, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033183002029 | | | | | | | | | | |
| 30 | Phùng Văn Kiên | | | | 44/TB-CTUBND | | 1 | | | | | 433 | | 433 | | |
| | | Phùng Văn Kiên | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | 39 | 412 | 39 | 412 | | 433 | | | |

| TT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng ($m^2$) | Diện tích thu hồi ($m^2$) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| 31 | Nguyễn Văn Vượng | | | | 45/TB-CTUBND | | 5 | | | | | 2555 | | 849 | | |
| | | Nguyễn Văn Vượng | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033066005946 | | 39 | 413 | 39 | 413 | | 849 | | | |
| | | Đặng Thị Hương | thôn Phú Tân, xã Lương Tài, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng | | 033168006184 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Văn Đức | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033089009343 | | | | | | | | | | |
| | | Nguyễn Thị Anh | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033192000758 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Thị Quyên | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| 32 | Đỗ Văn Toán (Trung) | | | | 46/TB-CTUBND | | 2 | | | | | 1674 | | 450 | | |
| | | Đỗ Văn Toán | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033048000695 | | 39 | 427 | 39 | 427 | | 450 | | | |
| | | Đỗ Văn Trung | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033077000476 | | | | | | | | | | |
| 33 | Đặng Văn Tư | | | | 47/TB-CTUBND | | 2 | | | | | 969 | | 525 | | |
| | | Đặng Văn Tư | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033069002376 | | 39 | 426 | 39 | 426 | | 525 | | | |
| | | Đỗ Thị Vuốt | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033134000307 | | | | | | | | | | Đã chết |
| 34 | Đỗ Văn Hùng (Ngợi) | | | | 48/TB-CTUBND | | 6 | | | | | 2618 | | 676 | | |
| | | Đỗ Văn Hùng | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033059002067 | | 39 | 442 | 39 | 442 | | 676 | | | |
| | | Phùng Thị Ngợi | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033160002690 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Tuấn Huy | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | |

| TT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng (m²) | Diện tích thu hồi (m²) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| | | Đỗ Tuấn Hiếu | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033083002318 | | | | | | | | | | |
| | | Đỗ Văn Hòa | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | |
| | | Hoàng Thị Bùi | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| 35 | Phùng Văn Cửa | | | | 49/TB-CTUBND | | 4 | | | | | 1910 | | 265.2 | | |
| | | Phùng Văn Cửa | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033048002310 | | 39 | 443 | 39 | 443 | | 265.2 | | | Đã chết |
| | | Nguyễn Thị Gái | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | | | | | | | | | | | Đã chết |
| | | Phùng Văn Thạo | thôn Mễ Đậu, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033085006894 | | | | | | | | | | |
| | | Đặng Thị Hương | thôn Cự Đình, xã Việt Hưng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | thôn Mễ Đậu, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên | | 033185008105 | | | | | | | | | | |
| | | Tổng | | | | | | | | | | | 13437.2 | 13437.2 | | |
| II | Đất do UBND xã quản lý | | | | 50/TB-CTUBND | | | | | | | | | | | |
| | | Đất chuyên trồng lúa nước | | | | | | 43 | 86 | | | | 28 | | | |
| | | | | | | | | 43 | 123+124+125+126+127+128 | | | | 14 | | | |
| | | | | | | | | 43 | 120 | | | | 0.1 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 372 | | | | 57.4 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 384 | | | | 0.1 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 396 | | | | 0.4 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 412 | | | | 0.2 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 413 | | | | 0.1 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 427 | | | | 0.4 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 442 | | | | 0.4 | | | |
| | | | | | | | | 37 | 509 | | | | 659.2 | | | |
| | | | | | | | | 37 | 423 | | | | 526.6 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 446 | | | | 3646.1 | | | |
| | | Đất giao thông | | | | | | 43 | 222 | | | | 116.5 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 424 | | | | 239.3 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 451 | | | | 0.2 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 455 | | | | 162.7 | | | |
| | | Đất thủy lợi | | | | | | 43 | 223 | | | | 38.3 | | | |
| | | | | | | | | 43 | 143 | | | | 48.3 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 425 | | | | 114.1 | | | |

| TT | Tên người sử dụng đất | Họ và tên người có đất thu hồi | Quê quán | Địa chỉ thường trú | Số Thông báo thu hồi đất ngày 14/4/2026 | Số Căn cước | Nhân khẩu chia ruộng | Số tờ, số thửa theo trích lục do Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Văn Lâm lập ngày 10/7/2024 | | Số tờ, số thửa theo Phương án DTĐR hoặc sổ giao ruộng | | DT đang sử dụng (m²) | Diện tích thu hồi (m²) | Tổng diện tích thu hồi | Loại đất thu hồi | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | Số tờ | Số thửa | Số tờ | Số thửa | | | | | |
| | | | | | | | | 39 | 445 | | | | 108 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 397 | | | | 39.8 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 398 | | | | 57 | | | |
| | | Đất mặt nước chuyên dùng | | | | | | 43 | 132 | | | | 246.8 | | | |
| | | | | | | | | 43 | 133 | | | | 14.9 | | | |
| | | | | | | | | 39 | 419 | | | | 786.4 | | | |
| | | Tổng | | | | | | | | | | | **6905.3** | | | |